

Bản án số: 02/2023/DS-PT

Ngày: 09/01/2023

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Trong hai ngày 14 tháng 12 năm 2022 và ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung*” giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê H.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê H: Ông Nguyễn Thành T1.

Địa chỉ: Khu Đ2, thị trấn Đ3, huyện B, tỉnh Bình Phước – có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Kóng Phổ C (Tên gọi khác: Từ C) – vắng mặt.

Anh Điều S – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bon Bù, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê H trình bày:

Năm 2006, ông chuyển từ tỉnh Đồng Nai đến tỉnh Bình Phước sinh sống, quen biết và chung sống với bà Nguyễn Thị Kim A như vợ chồng tại thôn Sơn Tân, xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Cuối năm 2008, ông và bà A cùng

chuyển đến thôn Tân Lợi, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp thuê nhà ở. Năm 2010 ông và bà A góp tiền cùng nhận chuyển nhượng 01 thửa đất từ bà Kóng Phỏ C (Từ Chu), diện tích 4m theo chiều ngang mặt đường nhựa, chiều dài không rõ. Giá nhận chuyển nhượng là 110.000.000 đồng. Giấy tờ chuyển nhượng bà A giữ. Năm 2017, ông và bà A góp 200.000.000 đồng để xây dựng nhà.

Năm 2018, ông và bà A phát sinh mâu thuẫn, có nhờ chính quyền thôn Tân Lợi, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp hòa giải. Ban tự quản thôn có lập biên bản hòa giải, theo đó ông và bà A thống nhất bà A sử dụng nhà, đất và trả lại giá trị cả nhà, đất cho ông số tiền 200.000.000 đồng. Bà A hẹn ngày 25-5-2019 âm lịch trả tiền cho ông. Nhưng đến hạn, bà A không trả tiền cho ông như thỏa thuận.

Nay ông yêu cầu Tòa án chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản chung. Ông có nguyện vọng nhận tiền mặt hoặc bằng tài sản. Nếu được nhận tài sản thì ông hoàn trả cho bà A $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Năm 2006, bà chung sống như vợ chồng với ông Lê H ở thôn Sơn Tân, xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hai người không tạo lập được tài sản chung gì.

Tháng 01 năm 2010, ông bà chuyển đến thôn Tân Lợi, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông thuê nhà ở. Bà và ông H đi mua điều bông bán có thu nhập được một ít tiền. Khoảng năm 2011-2012, bà và ông H nhận chuyển nhượng từ bà Từ Chu (tên thật là Kóng Phỏ C) một thửa đất 4m ngang mặt đường nhựa, trên đất có 01 nhà ván đã dựng sẵn, có 01 giếng nước, không có cây cối gì, giá chuyển nhượng hơn 100.000.000 đồng, đã trả xong tiền. Năm 2017, bà và ông H có làm lại nhà, hết 115.000.000 đồng. Quá trình chung sống chỉ có bà và ông H, không còn ai khác. Lý do bà không thực hiện biên bản hòa giải, thỏa thuận do thôn Tân Lợi lập là do sau khi thỏa thuận, ông H thuê xe tải, chở hết đồ nội thất trong nhà, gồm có ti vi, tủ lạnh, tủ quần áo, nồi cơm, giường, quạt, dây ồng... không còn để lại gì trong nhà. Ngoài ra ông H còn bán điều bông bà và ông H mua chung lấy 40.000.000 đồng và lấy đi 13 cây vàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, nguyện vọng của bà được quyền sử dụng nhà, đất. Không đồng ý hoàn trả giá trị bằng tiền cho ông H vì ông H đã lấy vàng, bán vườn điều bông và mua đất, xây nhà mới.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kóng Phỏ C (tên gọi khác: Từ Chu) trình bày:

Bà nhận chuyển nhượng 01 thửa đất tọa lạc tại bon Bù Sê Rê I, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp của người đồng bào, diện tích khoảng 4mx40m; có dựng 01 căn nhà gỗ, vách tôn trên đất, đào 01 giếng nước, không trồng cây cối gì. Do nợ nần nên bà chuyển nhượng căn nhà, đất này cho ông Lê H với giá 110.000.000 đồng vào khoảng năm 2010. Hai bên có lập hợp đồng viết tay, có xác nhận của UBND xã do

ông H giữ nhưng bà nghe ông H nói giấy tờ đã đưa cho bà A, mà bà A không đưa lại giấy tờ. Ông H là người đưa tiền, đã đưa đủ nhưng bà được biết tiền mua nhà đất là do hai người, gồm ông H và bà A cùng góp. Sau này bà A, ông H cũng cùng góp tiền xây nhà trên đất.

Đất trước đây bà nhận chuyển nhượng từ người đồng bào rồi sử dụng, chưa được nhà nước cấp quyền sử dụng. Sau này được biết cơ quan có thẩm quyền đã đo đạc toàn huyện, thửa đất đứng tên người sử dụng là ông H, bà A.

Quan điểm của bà nhận thấy cả hai cùng góp tiền mua đất, làm nhà. Nay ai sử dụng nhà đất thì hoàn ½ giá trị cho bên không được sử dụng là hợp lý.

Giấy tờ nhận chuyển nhượng đất của người đồng bào bà không còn lưu giữ, cũng không nhớ rõ tên gì, hiện nay ở đâu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Điều S trình bày:

Anh là con ruột của ông Điều C1 (đã chết), không có quan hệ thân thích với bà Kóng Phở C, ông Lê H cũng như bà Nguyễn Thị Kim A.

Năm 1995, bố của anh được cơ quan nhà nước cấp quyền sử dụng 03 thửa đất gồm thửa đất số 73, 74 và 75 tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại xã Quảng Tín (nay thuộc Bon Bù Sê Rê I, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông).

Sau khi bố anh chết, anh đã làm thủ tục kê khai di sản thừa kế quyền sử dụng đất của bố. Anh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận quyền sử dụng. Sau khi đứng tên quyền sử dụng đất, anh đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng một phần diện tích đất.

Khi bố anh còn sống, anh được biết bố anh đã chuyển nhượng thửa đất số 74, 75 nhưng không rõ người nhận chuyển nhượng đất là ai. Những người nhận chuyển nhượng đất từ bố anh theo hình thức giấy viết tay, chưa làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Hiện tại anh không còn sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 17 mới (là một phần thửa đất số 74, tờ bản đồ số 09 cũ), cũng không sử dụng diện tích đất nào giáp mặt đường bon Bù Sê Rê I, xã Đăk Ru mà chỉ sử dụng diện tích đất ở phía sau, là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09 cũ.

Anh không có tranh chấp gì với ông Lê H và bà Nguyễn Thị Kim A. Trước đây bố anh đã chuyển nhượng đất nhưng chưa làm thủ tục, nay anh không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu gì với ông Lê H và bà Nguyễn Thị Kim A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H đối với bà Nguyễn Thị Kim A về việc chia tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị Kim A được sử dụng đất, sở hữu nhà, tài sản gắn liền trên thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại bon Bù Sê Rê I, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, diện tích 155m², có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường nhựa dài 4,2m;

- Phía Nam giáp đất ông K'K (đã chết, không rõ ai đang sử dụng) dài 4,2m;

- Phía Đông giáp đất ông K'K (đã chuyển nhượng, không rõ ai đang sử dụng) dài 37,8m;

- Phía Tây giáp đất ông T3, bà N dài 37,9m.

(Có sơ đồ kèm theo Bản án)

Bà Nguyễn Thị Kim A phải hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất cho ông Lê H, số tiền 281.755.500đ (Hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 9 năm 2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A kháng cáo bản án và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa bản án 29/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định.

[2]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản”, song trong quá trình giải quyết vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ xác định lại quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia tài sản chung” là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[3.1]. Diện tích đất hiện đang tranh chấp có nguồn gốc từ bà Kóng Phỏ C nhận chuyển nhượng từ một người đồng bào khoảng năm 1997. Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ thấy rằng thửa đất tranh chấp là thửa 182, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại bon Bù Sê Rê I, xã Đăk Ru theo bản đồ đo đạc năm 2011 đứng tên người sử dụng ông Lê H, thuộc một phần thửa đất số 74, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.340m², đất đã được UBND huyện Đắk R'Lấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Điều Chứch ngày 18-10-1995. Ngày 18-10-2019 đã làm thủ tục để thừa kế cho anh Điều S, sinh năm 1986. Thời điểm xác minh, đất không thuộc diện bị thu hồi, giải tỏa.

Lời khai của anh Điều S cho rằng khi bố anh còn sống có chuyển nhượng thửa đất số 74, 75 bằng hình thức giấy viết tay, hiện anh đã hợp thức hóa việc chuyển nhượng thửa đất số 75 cho ông Lê Đức Thọ. Còn thửa đất số 74 bố anh đã chuyển

nhượng, anh không có tranh chấp gì và không có ý kiến gì về việc ông H, bà A sử dụng đất.

[3.2] Lời khai trong hồ sơ thể hiện trong quá trình sống chung thì ông H, bà A có nhận chuyển nhượng của bà Kóng Phở C và cùng nhau xây dựng nhà trên đất. Mặc dù lời khai của bà Kóng Phở C và ông Lê H cho rằng số tiền chuyển nhượng là 110.000.000 đồng, còn bà A thì cho rằng chỉ có 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, về diện tích của thửa đất cũng như vị trí và các tài sản trên đất là phù hợp với nhau và các đương sự đều khẳng định cùng sống Cng trong căn nhà đã nhận chuyển nhượng này đến khi phát sinh mâu thuẫn. Do đó, đây là những sự kiện không phải chứng minh.

[3.3] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận năm 2017 thì có góp chung tiền sửa lại nhà, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã nhờ chính quyền thôn Tân Lợi, xã Đăk Ru, huyện Đăk R'Lấp hòa giải. Theo đó ông H và bà A thống nhất bà A sử dụng nhà, đất và trả lại giá trị cả nhà, đất cho ông H số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ khẳng định đây là tài sản chung của ông H và bà A có được trong quá trình chung sống.

[3.4]. Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất tranh chấp là 155,5m², trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 xây dựng năm 2017, có công trình phụ và các cây trồng trên đất. Theo kết quả thẩm định giá lại theo Chứng thư thẩm định giá số 125/CT-BTA ngày 11-7-2022 xác định tổng trị giá tài sản là 563.511.000 đồng. Ông H và bà A đều đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên HĐXX căn cứ vào các tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3.5] Tại bản tự khai thì bà A cho rằng ông H đã tự ý lấy đi 13 cây vàng nhưng tại phiên đối chất bà A lại thừa nhận không có sự việc này mà vàng là cho hàng xóm vay, mượn, giấy tờ ông H giữ. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm ngày 14 tháng 12 năm 2022 bà A cung cấp một số người mượn vàng, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để triệu tập những người bà A cung cấp, tuy nhiên tại phiên tòa mở lại thì chỉ có ông Nguyễn Chí Linh là em trai ruột của bà A lên tham gia phiên tòa. Tại cấp phúc thẩm bà A cũng không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận ý kiến này và không xem xét việc đưa những người vay mượn vàng theo lời khai của bà A vào tham gia tố tụng trong vụ án. Bà A có thể khởi kiện những người mà bà cho rằng họ có vay mượn vàng bằng vụ án dân sự khác khi có đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh.

[3.6] Từ những phân tích trên thấy rằng nguồn gốc đất và các tài sản trên đất hiện đng tranh chấp do ông H và bà A cùng góp chung. Từ khi nhận chuyển nhượng đến trước thời điểm mâu thuẫn thì hai ông ba sống chung với nhau trên tài sản chung đã tạo dựng. Ông H, bà A đều thừa nhận, ông bà được thôn Tân Lợi, xã Đăk Ru hòa giải, đã thống nhất bà A được sử dụng nhà, đất và phải trả cho ông H số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn bà A không thực hiện do đó ông H đã khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H, xem xét đến yếu tố hoàn cảnh, cuộc sống của bà A nên giao nhà, đất cho bà

A sử dụng và buộc bà A phải trả cho ông H $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất với số tiền 563.511.000 : 2 = 281.755.500 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Tại cấp phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không bổ sung được thêm tài liệu chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Kim A.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 09-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 207, Điều 210, Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H đối với bà Nguyễn Thị Kim A về việc chia tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị Kim A được sử dụng đất, sở hữu nhà, tài sản gắn liền trên thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại bon Bù Sê Rê I, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, diện tích 155m², có tứ cận: Phía Bắc giáp đường nhựa dài 4,2m; Phía Nam giáp đất ông K'K (đã chết, không rõ ai đang sử dụng) dài 4,2m; Phía Đông giáp đất ông K'K (đã chuyển nhượng, không rõ ai đang sử dụng) dài 37,8m; Phía Tây giáp đất ông T3, bà N dài 37,9m.

Bà Nguyễn Thị Kim A phải hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất cho ông Lê H, số tiền 281.755.500đ (*Hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản: Ông H và bà A mỗi người chịu 9.359.606 đồng. Bà A phải hoàn trả cho ông H 9.359.606 đồng. Ông H còn phải nộp 719.212 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê H phải chịu 14.087.775đ (*Mười bốn triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*), được khấu trừ vào 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003252 ngày 09-3-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông. Ông H còn phải nộp 9.087.775đ (*Chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Kim A.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Chương

